

Văn bản “ TỨC CẢNH PÁC BÓ”

I. Giới thiệu chung :

1. Tác giả : Hồ Chí Minh

2. Tác phẩm :

- Hoàn cảnh sáng tác : SGK/28

- Thể thơ : thất ngôn tứ tuyệt.

II. Tìm hiểu văn bản :

Sáng ra bờ suối, tối vào hang

→ Hai vế sóng đôi diễn tả cuộc sống ung dung, thư thái, nhịp sống diễn ra đều đặn, gần gũi với thiên nhiên.

- Cháo bẹ rau măng : Món ăn đơn sơ, giản dị, đạm bạc. Giọng điệu đùa vui, hóm hỉnh.

- “... vẫn sẵn sàng”

→ Đối với Bác không có gì là thiếu thốn, bất cứ lúc nào cũng có sẵn “cháo bẹ, rau măng”

Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng

- Điều kiện làm việc thiếu thốn >< tính chất công việc quan trọng

- “chông chênh” : giúp ta hiểu được việc giải phóng dân tộc rất khó khăn.

=> Hiện lên hình ảnh một con người vừa giản dị, ung dung, thư thái vừa toát lên vẻ đẹp sáng ngời, cao lồng lộng và vĩ đại.

Cuộc đời cách mạng thật là sang

- Hóm hỉnh, đầy tự hào

- Sang : “nhân tự” của bài thơ → Mặc dù cuộc sống khó khăn, gian khổ nhưng Bác cảm thấy rất vui vì Bác đang sống và làm việc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

=> Tinh thần lạc quan, tin tưởng vào sự nghiệp cách mạng.

III. Tổng kết : Ghi nhớ (SGK/30)

NGẮM TRĂNG
(Vọng nguyệt)

A. Giới thiệu chung :

1. Xuất xứ :

- Trích trong “Nhật kí trong tù”
- Sáng tác trong khoảng thời gian Bác bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt giam ở Quảng Tây - Trung Quốc (8/1942 → 9/1943)

2. Thể thơ : thất ngôn tứ tuyệt

B. Tìm hiểu văn bản :

I. Văn bản “Vọng nguyệt” :

1. Khai đề (câu 1) :

*Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
(Trong tù không rượu cũng không hoa)*

- Điều kiện ngắm trăng hết sức khó khăn và thiếu thốn nhưng cũng rất đặc biệt.
- Điệp từ “vô” nhằm nhấn mạnh sự thiếu thốn của nhà tù.

2. Thừa đề (câu 2) :

*Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
(Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ)*

- Câu thơ dịch chưa sát nghĩa đã làm mất đi sự bối rối của Bác với trăng.
 - “nại nhược hà?” → câu hỏi tu từ → sự rung động mãnh liệt của hồn thơ.
- => Trước cảnh đẹp đó, người tù cảm thấy bối rối và xao xuyến vì không có gì để thưởng thức trăng một cách trọn vẹn.

3. Chuyển, hợp (câu 3, 4) :

Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt

Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

(Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ

Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.)

- Cấu trúc đối cho thấy cả người và trăng đều chủ động tìm đến nhau, cùng giao hòa một cách trọn vẹn.
- Nhân hóa ánh trăng → Trăng trở thành người bạn tri âm, tri kỉ, đồng cảm với người tù và không có xiềng xích nào ngăn cản được điều đó.

=>

II. Văn bản “Tẩu lộ” :

1. Khai đề, thừa đề (câu 1, 2) :

Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan

(Đi đường mới biết gian lao)

→ điệp từ, nhấn mạnh nỗi gian lao của người đi đường. Chính Bác trải nghiệm nên rất thấm thía.

Trùng san chi ngoại hựu trùng san.

(Núi cao rồi lại núi cao chập chùng)

→ nỗi gian lao khó khăn cứ chồng chất hết lớp núi này đến lớp núi khác dường như là vô tận.

2. Chuyển, hợp (câu 3, 4) :

Trùng san đăng đảo cao phong hậu

Vạn lí dư đồ cố miện gian.

(Núi cao lên đến tận cùng

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non)

- Khi lên đến đỉnh núi cao, ta sẽ được chiêm ngưỡng cảnh núi non rộng lớn vô cùng xinh đẹp. Lúc này, bao nhiêu nỗi vất vả, gian nan trên đường đi đã được bù đắp và mau chóng tan đi.

- Nghĩa ẩn : Trên đường đời có nhiều khó khăn thử thách nếu cố gắng vượt qua thì sẽ gặt hái được thành công.

=> Với Bác Hồ, con đường làm Cách mạng là vô cùng khó khăn nhưng Bác tin tưởng sẽ thắng lợi.

C. Tổng kết : Ghi nhớ (SGK/38, 40)

❖ Dẫn dò :

- Học thuộc ghi nhớ và 2 bài thơ (phiên âm và dịch thơ)